

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: **42** /2023/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày **24** tháng **7** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án,
giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức
thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp
thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;
Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng (tại Tờ trình số 39/TTr-SXD ngày 16/6/2023 và Báo cáo số 209/BC-SXD ngày 30/6/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư; chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án và giám sát thi công công trình theo cơ chế đặc thù trong tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nội dung, phương pháp xác định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư

1. Nội dung chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, gồm:

- a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có);
- b) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản do Ban Quản lý xã thực hiện hoặc do Ban phát triển thôn thực hiện khi được Ủy ban nhân dân cấp xã giao;
- c) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản cho Tổ thẩm định do Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập hoặc của cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thực hiện việc thẩm định theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Phương pháp xác định

- a) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có) phục vụ lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

b) Chi phí lập Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo Bảng 1 nhân với chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bảng 1: Định mức chi phí lập hồ sơ xây dựng công trình đơn giản

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	0,946
2	Công trình giao thông	0,444
3	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0,803

c) Phí thẩm định Hồ sơ xây dựng công trình đơn giản được xác định theo phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng.

Điều 4. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình

1. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện các công việc: Tổ chức lựa chọn nhà thầu; quản lý hợp đồng; quản lý khối lượng, chất lượng, chi phí đầu tư xây dựng, tiến độ, an toàn lao động; giám sát thi công xây dựng, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.

2. Chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình được xác định bằng định mức tỷ lệ phần trăm (%) theo Bảng 2 nhân với chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong tổng mức đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Bảng 2: Định mức chi phí hỗ trợ quản lý dự án và giám sát thi công công trình

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

STT	Loại công trình	Định mức
1	Công trình dân dụng	2,757
2	Công trình giao thông	2,419
3	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	2,610

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm chủ trì, tổ chức triển khai thực hiện, kịp thời theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để hướng

dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 8 năm 2023.
2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định của văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./hl*

Nơi nhận:

- Như khoản 3 Điều 6;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - VP UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, Phg, Ph_{1.011(2023)}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH *./hl*



Lê Tấn Hồ